

(không đăng ký kết hôn); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2019 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Đình H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H), sinh năm 1961; nơi ĐKKHKT: số 33/79 Chợ C, phường Trại C1, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: số 56/79 Chợ C, phường Trại C1, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình K1 và bà Đỗ Thị B (đều đã chết); có vợ là Lê Thị L (bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

nhân thân:

- Bản án số 292/HSST ngày 07/11/1980 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản riêng công dân”.

- Bản án số 45/HSST ngày 01/4/1982 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản riêng của công dân”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 292 ngày 07/11/1980 buộc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 18 tháng tù.

- Bản án số 322 ngày 21/02/2000 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2019 đến nay; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L*: Luật sư Bùi Chiến Th1 - Công ty Luật Trịnh Khắc Tr, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H1*: Luật sư Nguyễn Xuân T - Văn phòng Luật sư 13-5, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 19/01/2019, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng kết hợp với các lực lượng chức năng bắt quả tang Nguyễn Thanh H1 đang mang ma túy đến nhà số 56/79 Chợ C, phường Trại C1, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng. Thu giữ trong túi áo khoác của Nguyễn Thanh H1 01 túi nilon màu trắng chứa chất bột màu trắng giám định là 37,54gam Heroine; 01 túi nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng giám định là 19,99gam Methamphetamine; cùng 01 xe Mô tô BKS 15B3-074.29 và 01 điện thoại di động Iphone.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của bố mẹ H1 là Nguyễn Đình H và Lê Thị L tại nhà số 56/79 Chợ C, phường Trại C1, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng: Thu

giữ tại mặt kệ bếp 01 cân điện tử, 01 hộp màu đen có 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng giám định là 9,9gam Methamphetamine; 01 túi nilon chứa chất bột màu trắng giám định là 3,87gam Heroine. Thu trên sàn phòng ngủ của Nguyễn Đình H 01 bình thủy tinh gắn ống hút chứa tinh thể màu trắng giám định là 0,24gam Methamphetamine. Thu giữ trong tủ cá nhân của H 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng giám định là 1,65gam Methamphetamine. Ngoài ra còn thu 779.400.000 đồng trong két sắt tại tầng 3 và 02 điện thoại di động Samsung, Nokia của Lê Thị L, 01 điện thoại di động Nokia của Nguyễn Đình H.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thanh H1 tại nhà số 15A/5/229 Miếu Hai X, phường Dur Hàng K, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng thu giữ một két sắt và chìa khóa két sắt. Thu trong két sắt một túi nilon đen đựng 05 túi nilon chứa chất bột màu trắng giám định là 304,97gam Heroine và các mảnh túi nilon đen; 01 túi nilon màu đen đựng 03 túi nilon chứa tinh thể màu trắng giám định là 215,50gam Methamphetamine và 01 vỏ túi nilon kích thước 8x12cm; 01 túi nilon đen đựng 01 túi nilon vàng in chữ GUANYINWANG bên trong có 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng giám định là 1000,12gam Methamphetamine. Ngoài ra còn thu tại bàn trang điểm 05 túi nilon kích thước khoảng 8x12cm, 01 cân điện tử và 01 điện thoại di động Iphone của Nguyễn Thị H2 (người chung sống như vợ chồng và có con chung với H1).

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu Nguyễn Thanh H1 khai: Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2019, tại nhà số 15A/5/229 Miếu Hai X, H1 đang cầm máy điện thoại của Nguyễn Thị H2 (vợ H1) chơi điện tử thì Lê Thị L mẹ H1 gọi điện cho H1 vào máy của H2 bảo H1 đi đón con thì lấy trong két sắt L để ở nhà H1 20gam "đá" (ma túy đá) và một "cây trắng" (khoảng 37,5gam Heroine) mang đến nhà số 56/79 Chợ C đưa cho L. H1 đã mở két sắt, dùng cân, chia số ma túy đá và Heroine vào 02 túi nilon, cất vào túi áo khoác H1 đang mặc, sau đó một mình đi xe máy của H2 đến trước cửa nhà số 56/79 Chợ C thì bị bắt quả tang, thu giữ 02 túi ma túy như trên.

Chiếc két sắt để ở phòng ngủ của vợ chồng H1 tại nhà số 15A/5/229 Miếu Hai X do L mua trước đó hơn một năm để cất tiền, giấy tờ và giữ chìa khóa két. Khoảng một tháng trước ngày bị bắt, L đưa chìa khóa két cho H1, bảo H1 là trong két có chứa "hàng" (ma túy), khi nào cần số lượng ma túy bao nhiêu thì L sẽ bảo H1 lấy mang đến cho L. H1 đồng ý và đã mang ma túy cho L khoảng 3 lần, một lần đưa 100gam ma túy đá, một lần đưa 01 "cây" Heroine và lần cuối là chiều ngày 19/01/2019 thì bị bắt. Khi H1 mang ma túy cho L, nếu L không có nhà thì H1 để ma túy trong hộp màu đen đặt trên kệ bếp cho L. Ngay sau khi bị bắt quả tang, H1 đã khai L còn cất giấu tại két sắt 05 túi chứa Heroine, mỗi túi khoảng 75gam Heroine; 04 túi chứa ma túy đá gồm 01 túi chứa khoảng 01kg, 01 túi chứa khoảng 100gam, 01 túi chứa khoảng 80gam còn 01 túi H1 không nhớ bao nhiêu gam. H1 có lần đã nghe thấy L nói việc mua bán ma túy với ai đó qua điện thoại nên H1 biết L cất giấu số ma túy trên để bán. H1 mang ma túy cho L

vì cả nể tình cảm mẹ con và được L trả tiền thuê nhà, cho tiền chi tiêu cuộc sống.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thị L khai: Cách ngày bị bắt khoảng bốn tháng, L mua của một nam giới không biết lai lịch địa chỉ 1,5kg ma túy đá và 07 "cây" Heroine với giá 350.000.000 đồng tại khu vực chợ Cột Đèn, Hải Phòng với mục đích để Nguyễn Đình H chồng L sử dụng và để vợ chồng L bán kiếm lời. L cất giấu số ma túy vào két sắt L mua đặt ở phòng ngủ của Nguyễn Thanh H1 (là con L) tại nhà số 15A/5/229 Miếu Hai X, L khoá két và giữ chìa khoá két. Khi có khách mua ma túy thì L lấy ma túy trong két sắt tại nhà H1 mang về nhà L tại số 56/79 Chợ C để bán với giá 30.000.000 đồng 100gam ma túy đá và 20.000.000 đồng 01 "cây" Heroine. Khoảng hai tuần trước khi bị bắt L đưa chìa khoá két sắt cho H1 quản lý, khi có khách mua ma túy thì L gọi điện bảo H1 lấy ma túy trong két sắt tại phòng ngủ của H1 số lượng theo chỉ đạo của L mang cho L để L hoặc H bán cho khách. H bán ma túy thì H giữ tiền lãi, số tiền còn lại H đưa cho L chi tiêu. H1 đã vài lần mang ma túy từ nhà H1 đến đưa cho L để bán cho khách. Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2019, L gọi điện bảo H1 đi đón con thì lấy 20gam ma túy đá và 01 "cây" Heroine trong két sắt mang cho L. Khi H1 đến cửa nhà L ở số 56/79 Chợ C thì bị cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ tại túi áo của H1 02 túi nilon chứa ma túy đá và Heroine. Số ma túy trong hộp trên kệ bếp là L lấy trong két sắt nhà H1 để vào trước khi bị bắt 10 ngày, số ma túy thu trong tủ cá nhân và trong bình sử dụng ma túy của H, L không biết.

Về số tiền 779.400.000 đồng thu giữ trong két sắt khi khám xét nơi ở của vợ chồng L tại nhà số 56/79 Chợ C ban đầu L khai toàn bộ số tiền này của L, sau đó L khai trong số tiền này có 750.000.000 đồng là của Nguyễn Thị Th2 con gái L nhờ giữ hộ, còn lại 29.400.000 đồng là tiền của vợ chồng L tích cóp để chi tiêu cá nhân, không liên quan đến mua bán ma túy.

Nguyễn Đình H khai: Khoảng vài tháng trước khi bị bắt Lê Thị L vợ H đã đưa ma túy đá và Heroine cho H bán. H đã bán ma túy cho bạn nghiện của H một số lần với giá 30.000.000 đồng 01 lạng ma túy đá và 20.000.000 đồng 01 "cây" Heroine, H không nhớ tên, địa chỉ những người này. Số tiền bán ma túy H đã đưa cho L để L quản lý chi tiêu, có lần H giữ lại ít tiền để chi tiêu và mua ma túy để sử dụng khi L không đưa ma túy cho H. H không biết số ma túy L đưa cho H do đâu mà có, H chỉ nhớ có một lần đưa ma túy đá cho H, L nói ma túy đá L mua của hai anh em Th2, Hải nhà ở hiệu cầm đồ Thiên Phú đường vòng Hồ Sen. H không biết và không bàn bạc với L về việc L mua 350.000.000 đồng ma túy đá và heroine để bán kiếm lời như L đã khai, H không biết gì về toàn bộ số ma túy cũng như toàn bộ số tiền 779.400.000 đồng thu trong két sắt để tại nhà Nguyễn Thanh H1 tại số 15A/5/229 Miếu Hai X.

Số ma túy trong hộp màu đen trên kệ bếp là L đưa cho H để H sử dụng và bán. Số ma túy trong bình sử dụng ma túy H mua của người quen tên Quang nhà

ở xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào khoảng 04 ngày trước ngày bị bắt với giá 850.000 đồng. Số ma túy trong tủ của H, H mua của người quen tên Lộc nhà ở Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào tối ngày 18/01/2019 với giá 850.000 đồng. Toàn bộ số ma túy thu khi khám xét tại nhà số 56/79 Chợ C là của H cất giấu mục đích để H sử dụng và bán khi có khách mua.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Lê Thị L và Nguyễn Đình H, L khai trước khi bị bắt 04 ngày, L có nói cho H biết về việc L đã mua số ma túy trên. H khẳng định L chưa bao giờ nói với H về việc L mua số ma túy trên và cất giấu trong két sắt tại nhà Nguyễn Thanh H1.

Chị Nguyễn Thị H2 khai: H2 và H1 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng kí kết hôn và có một con chung sinh năm 2014 với Nguyễn Thanh H1. Cách ngày 19/01/2019 khoảng một năm, mẹ của H1 là Lê Thị L đã đặt một két sắt tại phòng của vợ chồng H2 ở số 15A/5/229 Miếu Hai X. L nói để L đựng giấy tờ, tiền và số lô đề của L. L thường mượn chìa khóa vợ chồng H2 nói để vào nhà có việc. Cách ngày 19/01/2019 khoảng 2 tuần L giao chìa khóa két sắt cho H1 quản lý, sử dụng. Thỉnh thoảng H2 thấy H1 nhận điện thoại của L rồi mở két sắt lấy tiền hoặc lấy gì đó cho vào túi áo, rồi lấy xe của H2 bảo H2 là H1 đi sang nhà L.

Chiều ngày 19/01/2019, H2 đang làm mi cho khách tại nhà thì nghe H1 nói chuyện với L qua điện thoại nội dung H2 không nắm được chỉ nghe H1 “vâng, dạ” nhiều lần. Sau 15 phút, H2 vào phòng ngủ nằm ôm con thì nghe thấy tiếng H1 mở két sắt, lấy gì đó rồi đi luôn. Ngày 19/01/2019, Công an khám xét nơi ở của vợ chồng H2 có thu giữ trong két sắt tại phòng ngủ các túi nilon chứa tinh thể, chất bột màu trắng. H2 không biết gì về tài sản trong két nhưng H2 khẳng định tài sản đồ vật trong két là của L.

Lời khai của Nguyễn Thanh H1, Lê Thị L, Nguyễn Đình H phù hợp nhau, phù hợp lời khai của Nguyễn Thị H2, phù hợp với tang vật thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Sau đó H1 thay đổi lời khai, H1 khai: chiếc két sắt để trong nhà H1 là Lê Thị L mẹ H1, L là người giữ chìa khóa và mật khẩu mở két sắt. H1 chưa bao giờ mở két sắt. Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2019, L gọi điện bảo H1 lấy túi nilon đen L để quên trong ngăn kéo bàn uống nước tại tầng một nhà H1 đưa cho L. H1 xuống tầng một mở ngăn kéo bàn uống nước thấy một túi nilon màu đen buộc nịt. H1 cất túi nilon đen vào trong áo khoác H1 đang mặc rồi một mình đi xe máy của H2 sang nhà L. Khi H1 vừa đến trước cửa nhà L thì bị Công an kiểm tra, lúc này H1 mới biết trong túi nilon đen của L bảo H1 cầm đến đưa cho L bên trong có ma túy. Lúc mới bị bắt, L ngồi gần H1 và nói thầm với H1 là “nhận hết cho mẹ” nên H1 mới khai nhận như trên.

Lê Thị L cũng thay đổi một phần lời khai, L khai: Trước ngày bị bắt khoảng 1 năm, L có mua một két sắt và đặt ở phòng ngủ của con trai là Nguyễn

Thanh H1 ở 15A/5/229 Miếu Hai X (nhà do L thuê), cách ngày bị bắt khoảng bốn tháng, L mua của một nam giới trên 1,3kg ma túy đá, 08 "cây" Heroine với giá 350.000.000 đồng và cất giấu số ma túy vào két sắt, L khoá két và giữ chìa khoá, số ma túy trong két sắt là của L.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 15B3-074.29 thu giữ khi bắt Nguyễn Thanh H1 và 01 điện thoại di động Iphone thu giữ khi khám xét nơi ở của H1, qua điều tra, xác minh là tài sản của chị Nguyễn Thị H2 (vợ H1), chị H2 không biết H1 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H2.

Đối với số tiền 779.400.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ trong két sắt tại nhà số 56/79 Chợ C, Lê Thị L ban đầu khai toàn bộ số tiền trên là của L, sau đó khai trong số tiền trên có 750.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Th2 con gái L. Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Th2 khai: Thủy đã gửi L giữ hộ tổng số 750 triệu đồng trong đó có 200 triệu đồng là tiền mừng đám cưới của Thủy và 50 triệu đồng là tiền Th2 làm nôi mi tích cóp được, còn 500 triệu đồng là tiền của Nguyễn Trần T1 chồng Th2 ở Thụy Điển gửi về cho Th2 để mua nhà, Th2 gửi số tiền trên cho mẹ là Lê Thị L giữ hộ và xin lại số tiền trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2019/HS-ST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định:

Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, Điều 17, Điều 40, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị L (tên gọi khác là Lê Thị N) tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt tiền bị cáo 30 triệu đồng.

Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, Điều 17, Điều 39, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H1 tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt tiền bị cáo 20 triệu đồng.

Căn cứ các điểm b, p khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H (tên gọi khác là Nguyễn Văn H) 12 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt tiền bị cáo 10 triệu đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2019, các bị cáo Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Đình H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 05/12/2019, bị cáo Lê Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L có quan điểm: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thái độ khai báo của bị cáo, bản thân bị cáo là phụ nữ trong gia đình có chồng nghiện ma túy, gia đình bị cáo có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H1 có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo là đúng người, đúng tội, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, có công ăn việc làm, chỉ vì nghe theo mẹ, giúp mẹ mà phạm tội, bị cáo không được hưởng lợi từ việc mua bán ma túy; bị cáo có bác là thương binh, có ông là liệt sỹ, để giảm nhẹ, xử bị cáo H1 mức án tù có thời hạn.

Bị cáo Nguyễn Đình H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Đình H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy: Các bị cáo L, H có nhân thân xấu, bị cáo L đã bị kết án năm 1987, bị cáo H đã ba lần bị kết án. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo L tử hình, bị cáo H 12 năm tù là phù hợp, đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung, mặc dù tại cấp phúc thẩm các bị cáo đã nộp tiền phạt, tiền án phí sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét thấy ko có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo L, H.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh H1: Bị cáo là con đẻ và là con trai duy nhất của các bị cáo L và H, bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, theo sự chỉ đạo của L, số ma túy trong kết sắt của bị cáo L bị cáo không biết. Bị cáo có nhân thân tốt, tuổi đời còn trẻ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp

toàn bộ tiền phạt, tiền án phí sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Thị L đã mua ma túy của một người không quen biết mục đích để cho chồng là Nguyễn Đình H sử dụng và bán kiếm lời. L cất giấu 346,38 gam Heroine và 1.245,51 gam Methamphetamine vào két sắt do L mua đặt ở phòng ngủ của Nguyễn Thanh H1 (là con trai của Lư ơng và H) tại số nhà 15A/5/229 Miếu Hai X, phường Dư Hàng K, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng. Theo chỉ đạo của L, H1 đã ba lần lấy ma túy trong két sắt mang đến cho L hoặc H bán; chiều ngày 19/01/2019 H1 mang 37,54gam Heroine và 19,99gam Methamphetamine đến nhà L thì bị bắt quả tang như trên. Số ma túy gồm 9,9gam Methamphetamine và 3,87gam Heroine là của L đưa cho H sử dụng hoặc bán lại nhưng không xác định được người mua. Quan điểm của các người bào chữa cho rằng: Cơ quan điều tra không chứng minh được bị cáo L đã bán ma túy cho ai nên bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo H1 chỉ phải chịu trách nhiệm về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” đối với 37,54gam Heroine và 19,99gam Methamphetamine bị bắt quả tang là không phù hợp với qui định của pháp luật và tình tiết khách quan của vụ án. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp thì hành vi nêu trên của các bị cáo đều đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Thị L và bị cáo Nguyễn Thanh H1 phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán 346,38gam Heroine; 1.245,51gam Methamphetamine; bị cáo Nguyễn Đình H nhiều lần bán trái phép chất ma túy và phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán 9,9gam Methamphetamine + 3,87gam Heroine. Cáo trạng và Bản án sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thanh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251; bị cáo Nguyễn Đình H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Đình H, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trực tiếp chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Nếu không được ngăn chặn kịp thời thì sẽ gây hậu quả rất xấu cho xã hội khi lượng ma túy trên được các bị cáo tiêu thụ trót lọt. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung như bản án sơ thẩm xác định là có căn cứ.

Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Thị L thấy: Bị cáo phải chịu trách nhiệm về tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 2 lần trở lên” qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo nhân thân xấu từng một lần bị kết án về tội “Đánh bạc” nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo có vai trò đầu vụ, là người trực tiếp bỏ tiền ra mua 346,38 gam Heroine và 1.245,51 gam Methamphetamine, chỉ đạo điều hành các đồng phạm là Nguyễn Thanh H1 và Nguyễn Đình H mua bán ma túy. Xét lượng ma túy bị cáo L mua bán lớn gấp nhiều lần lượng ma túy qui định theo mức khởi điểm của khung hình phạt (từ 100 gam Methamphetamine hoặc Heroine). Bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị L mức án tử hình là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là đã nộp tiền phạt, tiền án phí sơ thẩm, tuy nhiên so với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình H thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, từng 3 lần bị kết án nhưng đã được xóa án tích; bị cáo là đối tượng nghiện ma túy; tham gia mua bán 11,79gam Methamphetamine và 3,87gam Heroine. Tại cấp phúc thẩm mặc dù bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã nộp tiền phạt và tiền án phí, tuy nhiên với số lượng ma túy bị cáo mua bán thì không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh H1 thấy: Nguyễn Thanh H1 là con đẻ của bị cáo Lê Thị L và Nguyễn Đình H, bị cáo chịu sự điều hành của L, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L mua bán 346,38gam Heroine và 1.245,51gam Methamphetamine; bản thân H1 có nhân thân tốt lại sống phụ thuộc vào mẹ là bị cáo L, bị cáo không biết trọng lượng ma túy mà bị cáo L mua bán, bị cáo chỉ có hành vi chuyển ma túy cho L bán. Bị cáo phải chịu tiết tăng nặng “phạm tội từ 2 lần trở lên” qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ, tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là nộp tiền phạt và tiền án phí sơ

thẩm. Xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử bị cáo mức án tù có thời hạn cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H1 cũng như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Đình H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thanh H1 được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Đình H; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H1; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, như sau:

Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, Điều 17, Điều 40, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị L (tên gọi khác là Lê Thị N) tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

Phạt tiền bị cáo 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Xác nhận bị cáo Lê Thị L đã nộp 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng tiền phạt và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm tại Biên lai số 0003959 ngày 02/12/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Lê Thị L có quyền gửi đơn lên Chủ tịch Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình .

Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, Điều 17, Điều 39, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh H1 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2019;

Phạt tiền bị cáo 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thanh H1 đã nộp đã nộp 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng tiền phạt và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm tại Biên lai số 0003961 ngày 02/12/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

Căn cứ các điểm b, p khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H (tên gọi khác là Nguyễn Văn H) 12 (Mười hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2019.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Đình H đã nộp đã nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền phạt và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm tại Biên lai số 0003960 ngày 02/12/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Hoàn trả lại bị cáo số tiền thừa là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Đình H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- Công an Tp Hải Phòng;
- Cục THADS Tp Hải Phòng;
- Trại tạm giam - CA Tp Hải Phòng;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Ngô Tự Học